

Số: 186/2020/QĐST-HNGĐ

Đông Anh, ngày 14 tháng 5 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN

THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 119/2020/TLST- HNGĐ ngày 09/3/2020, giữa:

Nguyên đơn: Bà **Đoàn Thị X**, sinh năm 1975.

Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn A, xã B, huyện C, Thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Doãn Y**, sinh năm 1972.

Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn A, xã B, huyện C, Thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06/5/2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06/5/2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. **Công nhận thuận tình ly hôn giữa:** Bà **Đoàn Thị X** và ông **Nguyễn Doãn Y**.

2. **Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- **Về quan hệ hôn nhân:** Bà **Đoàn Thị X** và ông **Nguyễn Doãn Y** thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 77, quyển số 01/1993 ngày 19/11/1993 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, Thành phố Hà Nội cấp cho bà **Đoàn Thị X** và ông **Nguyễn Doãn Y** không còn giá trị pháp lý.

- **Về con chung:** Bà X, ông Y có 03 con chung là chị Nguyễn Thị M, sinh ngày 25/12/1994; anh Nguyễn Doãn N, sinh ngày 26/11/1996 và cháu Nguyễn Thị Thu P, sinh ngày 27/9/2005.

Ly hôn, do chị M, anh N đã thành niên nên bà X, ông Y không yêu cầu giải Tòa án quyết vấn đề con chung đối với chị M, anh N. Ông Y trực tiếp nuôi dưỡng cháu P và hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi cháu P thành niên hoặc khi có sự thay đổi khác.

Bà X có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung, công nợ:** Bà X, ông Y đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng, bà X chịu cả, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà X đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: **15454** ngày 09/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Anh. Bà X được hoàn trả 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Thẩm phán

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đông Anh;
- Các đương sự;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Lâm Bình

